

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS -ST
Ngày 22/11/2019
“V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Thái

Bà Chu Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 16/01/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* Bị đơn: Ông Mã Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cà Văn S, sinh năm 1957

Trú tại: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Bà Ma Thị N, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không lý do.

- Ông Mã Văn G, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người làm chứng:

- Bà Mã Thị L, sinh năm 1960

- Bà Mã Thị P, sinh năm 1946

Đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Bà L, bà P vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Thửa đất số 276 tờ bản đồ 67, diện tích 271m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) địa chỉ thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn có nguồn gốc thửa đất là của bố chồng bà là ông Cà Văn V (đã chết) mua của ông Hoàng Văn C là dân sơ tán ở tỉnh Cao Bằng từ năm 1981 lúc đó trên đất có một cái lán, sau năm 1982 ông V cho vợ chồng bà thửa đất này, và vợ chồng bà đã quản lý, sử dụng đất trồng cây chuối liên tục không có tranh chấp, năm 2009 Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính thì gia đình ông Mã Văn T không phản đối mà còn nhất trí cho gia đình bà đo thửa đất này, hiện nay thửa đất trên bản đồ địa chính mang tên ông Cà Văn S chồng bà N nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 9 năm 2017 ông Mã Văn T, sinh năm 1966, trú cùng thôn dựng bếp, xây tường rào lán sang đất của bà, ngày 02/9/2017 bà lên nói chuyện phải trái với ông T thì bị ông T dùng cây đánh bà và đã được Tòa án nhân dân huyện Pắc Nặm giải quyết ông T bồi thường sức khỏe cho bà 2.000.000^d, đến ngày 08/6/2018 ông T và vợ là bà Ma Thị N đã chặt toàn bộ vườn chuối của bà và chiếm giữ đất, hiện nay trên đất không có tài sản, cây cối gì (đất trống) bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã C, huyện P giải quyết nhưng không thành và bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Pắc Nặm giải quyết. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 216,9m² cho vợ chồng bà, còn phần diện tích ông T đã lấn chiếm bà không yêu cầu giải quyết.

Trong bản trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Mã Văn T trình bày: Thửa đất hiện nay tranh chấp với bà Dương Thị N có nguồn gốc do bố mẹ ông là ông Mã Văn P và bà Cà Thị N (ông P, bà N đã chết) khai phá từ khi ông còn nhỏ để trồng cây Ngô, gia đình sử dụng đất không liên tục cứ hai năm sử dụng lại bỏ hoang vì đất hết màu, khoảng 04 đến 05 năm sau lại quay lại sử dụng. Năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra người dân ở tỉnh Cao Bằng xuống sơ tán trong đó có ông tên là C (không biết họ và địa chỉ) đến dựng lán trên mảnh đất này, khi đó mảnh đất gia đình đang bỏ hoang cây cối rậm rạp đã thành nương ót, ông C ở đến năm 1982 thì quay về quê ở tỉnh Cao Bằng, sau khi ông C chuyển đi thì ông Cà Văn V (đã chết) là bố của ông Cà Văn S đến ở trên lán của ông C để lại, được một thời gian thì ông V dỡ lán và trồng cây chuối trên toàn bộ thửa đất, sau khi ông V chết thì ông S quản lý, sử dụng vườn chuối cho đến khi ông dựng nhà bếp và xây tường rào dẫn đến tranh chấp năm 2017, tháng 6 năm 2018 ông T

và vợ ông là bà Ma Thị N đã chặt toàn bộ vườn chuối và chiếm giữ không cho bà N sử dụng nữa. Từ năm 1982 đến nay ông chưa sử dụng thửa đất tranh chấp lần nào và cũng chưa xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2009 khi Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính ông đã nhất trí cho ông S đo thửa đất này và ông đã xác nhận ranh giới, hiện nay trên đất không có tài sản, cây cối gì (đất trống). Nay bà N yêu cầu ông phải trả cho bà N thửa đất này ông không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn S trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố ông là ông Cà Văn V (đã chết) mua của ông Hoàng Văn C là dân sơ tán ở tỉnh Cao Bằng từ năm 1981, sau năm 1982 bố ông cho vợ chồng bà thửa đất này, vợ chồng ông đã quản lý, sử dụng đất trồng cây chuối liên tục không có tranh chấp, năm 2009 Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính thì gia đình ông Mã Văn T không phản đối mà còn thống nhất xác định ranh giới cho ông đo thửa đất này, hiện nay thửa đất trên bản đồ địa chính mang tên ông nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 9 năm 2017 ông Mã Văn T xây dựng nhà bếp, tường rào lấn sang đất của ông nên đã xảy ra tranh chấp, đến ngày 08/6/2018 ông T đã chặt toàn bộ vườn chuối của ông và chiếm giữ thửa đất này không cho ông sử dụng, hiện nay trên đất không có tài sản, cây cối gì (đất trống), ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã C, huyện P giải quyết nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 216,9m² cho vợ chồng ông, còn phần diện tích ông T đã lấn chiếm ông không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị N trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của chồng bà Mã Văn T là đúng. Bà không nhất trí việc bà N đòi lại diện tích đất đang tranh chấp.

Trong biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Văn G trình bày: Thửa đất có tranh chấp giữa bà N với ông T tiếp giáp với đường lên nhà của ông, khi đo đạc, thẩm định tại chỗ các bên đã tự đóng cọc xác nhận mốc giới, kết quả thẩm định rõ ràng cụ thể, giữa ông với gia đình bà N, gia đình ông T không có tranh chấp giữa đường đi lên nhà của ông và diện tích đất tranh chấp, do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa bà N và ông T theo diện tích thực tế có tranh chấp đã được xem xét, thẩm định.

Trong biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Mã Thị L và bà Mã Thị P trình bày: Hai bà là chị gái của ông Mã Văn T, hai bà biết nguồn gốc thửa đất tranh chấp giữa ông T và bà N là của bố bà ông Mã Văn P khai phá, năm 1979 khi Hợp tác xã dựng nhà cho dân ở Cao Bằng xuống sơ tán đến khoảng năm 1982 - 1983 người dân Cao Bằng lại về Cao Bằng thì ông Cà Văn V lên ở nhà do người dân Cao Bằng để lại và chồng cây chuối, năm 1991 bố bà đã chỉ cho các con biết ranh giới đất mà ông đã khai phá trong đó có thửa đất hiện nay tranh chấp giữa ông T với bà N. Năm 2009 Nhà nước đo đất gia đình bà đã nhất trí cho ông S diện tích đất này, nhưng năm 2017 ông T dựng bếp bà N đến chửi bới dẫn đến tranh chấp.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2019 đối với thửa đất tranh chấp thì diện tích đất tranh chấp 216,9m² được giới hạn bởi các điểm từ 1- 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 -1 (Có sơ đồ kèm theo), trên đất không có tài sản, cây cối gì (đất trống).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn không đến các phiên hòa giải. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu. Tại phần tranh luận nguyên đơn vẫn giữ quan điểm.

Tại phiên tòa xét xử do bị đơn ông Mã Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị N vắng mặt lần hai không lý do. Do đó Hội đồng xét xử không có đánh giá lời khai tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị N và đề nghị buộc ông Mã Văn T và bà Ma Thị N phải trả cho bà Dương Thị N và ông Cà Văn S quyền sử dụng đất 216,9m². Ông Mã Văn T phải chịu án phí, và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận giữa nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Dương Thị N với bị đơn ông Mã Văn T. Bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có địa chỉ tại xã C, huyện P và vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện P hòa giải. Căn cứ theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Dương Thị N và ông Mã Văn T có tranh chấp tại thửa đất số 276 tờ bản đồ 67, diện tích 271m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) địa chỉ thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, năm 2009 Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính, hiện nay thửa đất trên bản đồ địa chính mang tên ông Cà Văn S (chồng bà N) nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 9 năm 2017 ông Mã Văn T, sinh năm 1966, trú cùng thôn dựng bếp, xây tường rào lấn sang đất của bà N nên dẫn đến tranh chấp, ngày 08/6/2018 ông T và vợ là bà Ma Thị N đã chặt toàn bộ vườn chuối của bà N và chiếm giữ thửa đất cho đến nay. Nay bà Dương Thị N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông

Mã Văn T và bà Ma Thị N trả cho bà diện tích đất 216,9m² theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Ngày 24/4/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 276, tờ bản đồ số 67 thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả đo đạc tại thực địa của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn cho thấy diện tích đất tranh chấp là 216,9m² nằm trong thửa đất số 276, tờ bản đồ số 67 diện tích 271m² được giới hạn bởi các điểm từ 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 1 (Có sơ đồ kèm theo), trên đất không có tài sản, cây cối gì (đất trống), diện tích tranh chấp có tứ cận như sau.

Phía Đông giáp nương thủy lợi (đường 258B)

Phía Tây giáp đất vườn ông Mã Văn T

Phía Nam giáp đường đi nhà ông Mã Văn G

Phía Bắc giáp tường rào nhà ông Mã Văn T

Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng: Thửa đất này đã được gia đình ông Cà Văn S, bà Dương Thị N quản lý sử dụng từ năm 1982 đến khi xảy ra tranh chấp năm 2017, quá trình sử dụng không có tranh chấp, năm 2009 đã được Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính mang tên chủ sử dụng đất là ông Cà Văn S, việc đo đạc bản đồ địa chính có sự chứng kiến, xác nhận ranh giới thửa đất của ông Mã Văn T tuy nhiên ông T không có ý kiến gì, chỉ khi ông T xây dựng bếp và xây bờ rào năm 2017 bà N ngăn cản mới xảy ra tranh chấp, ông T đã chặt toàn bộ cây Chuối của bà N trồng trên đất để chiếm giữ đất không cho gia đình bà N sử dụng cho đến nay, ông T cho rằng thửa đất này là do bố mẹ ông khai phá tuy nhiên không có căn cứ chứng minh mà chỉ được bố nói lại, hơn nữa ông T cho rằng đây là đất của ông nhưng từ năm 1982 đến năm 2017 ông T không quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp ngày nào, việc này đã được bà Ma Thị N, bà Mã Thị P, bà Mã Thị L là vợ và chị gái ông T xác nhận.

Tại công văn số 670/UBND-TNMT ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Pắc Nặm khẳng định thửa đất số 276, tờ bản đồ số 67 tại thôn N, xã C, huyện P thuộc quy hoạch công trình đường tỉnh 258B nhưng đến thời điểm hiện tại Nhà nước chưa có kế hoạch thu hồi thửa đất nêu trên.

Nay nguyên đơn bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mã Văn T phải trả cho bà Dương Thị N quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp thực tế đã được đo đạc là 216,9m², ngoài ra không yêu cầu giải quyết phần đất không có tranh chấp. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N yêu cầu ông Mã Văn T và bà Ma Thị N trả lại cho bà quyền sử dụng diện tích đất 216,9m² nằm trong thửa đất số 276, tờ bản đồ số 67 tại thôn N, xã C, huyện P là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị N, buộc ông Mã Văn T và bà Ma Thị N phải trả cho bà Dương Thị N và ông Cà Văn S quyền sử dụng đất

216,9m². Ông Mã Văn T phải chịu án phí, và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn ông Mã Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Dương Thị N đã nộp tạm ứng 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), do vậy bị đơn ông Mã Văn T phải hoàn trả cho bà Dương Thị N số tiền 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mã Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Dương Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39 khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 4; Điều 5; Điều 100; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị N

2. Buộc bị đơn ông Mã Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Dương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn S quyền sử dụng đất tranh chấp 216,9m² nằm trong thửa đất số 276, tờ bản đồ số 67 tại Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn có các cạnh thể hiện tại “Mảnh trích đo địa chính số 01 - 2019” của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn kèm theo bản án.

Phía Đông giáp nương thủy lợi (đường 258B) có các điểm: Từ điểm 1 đến điểm 2 dài 7,88m; từ điểm 2 đến điểm 3 dài 0,84m.

Phía Tây giáp đất vườn ông Mã Văn T có các điểm: Từ điểm 6 đến điểm 7 dài 10,56m.

Phía Nam giáp đường đi nhà ông Mã Văn G có các điểm: Từ điểm 3 đến điểm 4 dài 5,78m; từ điểm 4 đến điểm 5 dài 8,21m; từ điểm 5 đến điểm 6 dài 10,31m.

Phía Bắc giáp tường rào nhà ông Mã Văn T có các điểm: Từ điểm 7 đến điểm 1 dài 20,45m.

3. Nguyên đơn bà Dương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn S có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 01749 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn ông Mã Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Mã Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Dương Thị N đã nộp tạm ứng 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), do vậy bị đơn ông Mã Văn T phải hoàn trả cho bà Dương Thị N số tiền 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự số tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã Cao Tân. (01b)
- Các đương sự. (04b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Thanh Tuấn